TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ấn.

Ông Ngô Văn Ứng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1995 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn P, sinh năm 1990 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Huỳnh Văn P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 16/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Sau khi cưới vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2018, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P không biết lo kinh tế gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, chị T khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn kéo dài và anh chị đã sống ly thân 02 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là cháu Huỳnh Lê Thanh P, sinh ngày 07/12/2017. Hiện tại cháu P đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu gì khác.

Theo Bản tự khai ngày 04/5/2021, bị đơn anh Huỳnh Văn P trình bày:

Anh P đồng ý với những gì chị T yêu cầu. Ngoài ra, anh P yêu cầu được quyền thăm nom con chung là cháu P.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T và bị đơn anh P đều có có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Kim T yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn P và yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh P có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T là nguyên đơn và anh P là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh P.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh P chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 16/5/2016 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh P xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh P vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, ngày 04/5/2021, anh P đến Tòa án và trình bày bằng bản tự khai là đồng ý với toàn bộ yêu cầu của chị T, trong đó có yêu cầu về hôn nhân.

Thấy rằng, giữa chị T và anh P không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị T yêu cầu ly hôn, anh P đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là Huỳnh Lê Thanh P, sinh ngày 07/12/2017. Hiện tại, cháu P đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và được anh P thống nhất. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu P nên cần thiết giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Kim T và anh Huỳnh Văn P.

2. Về con chung: Huỳnh Lê Thanh P, sinh ngày 07/12/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 49761 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm